

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST

Ngày 06 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Hội thẩm nhân dân

Ông La Văn Gia

Ông Đàm Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lương Văn Q; sinh ngày 11 tháng 02 năm 1998, tại A, B, C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Nùng;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lương Văn L, sinh năm 1969 và bà Lương Thị K, sinh năm 1970; có vợ Lục Thị T, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam từ ngày 04/02/2020, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh C (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo Hoàng Văn C; sinh ngày 15 tháng 10 năm 1999, tại A, B, C.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm N, xã A, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Nùng;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1976 và bà Nông Thị S, sinh năm 1978; có vợ Lương Mã X, sinh năm 1999 và 01 con sinh năm 2018;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 Tiền sự, Ngày 20/01/2020 Hoàng Văn C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B xử phạt hành chính 1.000.000đ (Một triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản.

Nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam từ ngày 04/02/2020, hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh C. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Triệu Bằng G, sinh năm 1981 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Bà Bé Thị P, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Y, B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi liên quan:* Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Xóm P, xã L, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 03/02/2020 Lương Văn Q một mình đi bộ trên Quốc lộ 34 khu vực gần nhà bà Bé Thị P, sinh năm 1962, tại Y, thị trấn B, B, C thì trời mưa nên Q đi vào trú mưa tại cầu thang nhà bà P (ngôi nhà này đang trong quá trình xây dựng), trong khi trú mưa do thấy trong nhà không có người nên Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Q đi lên tầng hai thì thấy ba chiếc lồng đang nhốt gà, sau đó Q tiếp tục đi bộ đến Z, thị trấn B mượn điện thoại của một người đàn ông (không biết họ tên, địa chỉ) gọi cho Hoàng Văn C, sinh năm 1999 cùng trú tại N, xã A, huyện B để rủ C đi trộm gà tại nhà bà P. C đồng ý, hai người hẹn gặp nhau, lúc gặp nhau, Q lấy điện thoại của C gọi cho người quen tên là Hoàng Văn M, sinh năm 1989 trú tại P, L, B, C để liên hệ bán gà, Q nói “*Em có mấy con gà thiếu, anh có mua không? Em chỉ bán cho anh cân một trăm*”, M đồng ý mua. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Q và C đi bộ đến nhà bà P để trộm gà, thấy gà bị nhốt trong lồng. Lúc đó Q xách hai lồng, C xách một lồng rồi cùng nhau đi bộ đến R, thị trấn B, B, C đặt gà ở lề đường. Do không có xe máy, C gọi điện cho Lục Văn Đ, sinh năm 1997, trú tại Z, thị trấn B, B, B để

mượn xe máy chở gà đi bán. Sau khi mượn được xe, C điều khiển xe máy biển kiểm soát 11L1- 0609 chở Q cùng ba lồng có chứa gà đến đoạn đường rẽ vào xóm D, xã L, B, C thì dừng lại, rồi Q và C giúp nhau dồn gà vào cùng một lồng. Quá trình dồn gà hai người kiểm đếm mới biết trộm được 06 (sáu) con gà đều là gà trống thiến. Lúc này C bảo giữ lại một con để thịt ăn, Q đồng ý nên đã nhốt một con gà vào lồng rồi giấu ở lề đường. Sau đó C tiếp tục chở Q và một lồng có 05 (năm) con gà đến bán cho Hoàng Văn M. Bán 05 (năm) con gà được 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi bán gà được tiền, C và Q chia nhau mỗi người 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). C điều khiển xe máy chở Q đến lấy con gà đã giấu trước đó rồi cùng đến kho mìn gần U, thị trấn B, B, C cất giấu gà. Rồi mỗi người góp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để C gặp Nội Viết C, sinh năm 1978, trú tại O, thị trấn B, B, C mua ma túy và cả hai quay về Khu vực I của huyện sử dụng ma túy và ngủ tại đó.

Ngày 05/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã tiến hành thu giữ 06 con gà trống thiến và Yêu cầu định giá tài sản đối với 06 (sáu) con gà có khối lượng 14,7 kilôgam là vật chứng vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 04 ngày 06/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc kết luận giá trị 06 (sáu) con gà là 2.499.000đ (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng).

Ngày 14/02/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại toàn bộ tài sản là 06 (sáu) con gà trống thiến và 03 (ba) chiếc lồng gà cho bà Bé Thị P, trú tại Y, thị trấn B, huyện B, tỉnh C.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSBL ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự tuyên bố các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản. Đề nghị khung hình phạt đối với các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C từ 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại được tài sản. Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi liên quan. Nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Một điện thoại di động cảm ứng VIVO màu xanh đen, số EMEL 1: 863505045644170, số EMEL 2: 863505045644162 của bị cáo Hoàng Văn C không liên quan đến hành vi phạm tội xét cần trả lại cho bị cáo C; Một điện thoại nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, số IMEL 1: 351670094534307, IMEL 2: 351670094534315 của bị cáo Hoàng Văn C dùng làm phương tiện liên lạc trao đổi mua bán tài sản trộm cắp đề nghị tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C. Ông Triệu Bằng G Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C trình bày: Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân và hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên trong nhận thức và suy nghĩ có phần hạn chế, không nhận thức được đầy đủ hành vi của mình gây ra. Khi bị phát hiện đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra đã vận động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Lương Văn Q điểm s, h, i, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Q được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 06 (Sáu) tháng tù. Đối với bị cáo Hoàng Văn C đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, h, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo C được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 06 (Sáu) tháng tù.

Đối với vật chứng của vụ án, nhất trí như quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc.

Các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C đều thừa nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C đều thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc truy tố là đúng. Hội đồng xét xử thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương. Lương Văn Q là người rủ rê Hoàng Văn C cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công vai trò cụ thể.

Theo quy định tại Điều 173 tội Trộm cắp tài sản Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. ...".

Như vậy, hành vi của các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C, đều sinh ra và lớn lên tại xã A, huyện B, tỉnh C. Các bị cáo được gia đình nuôi ăn học nhưng đều sớm bỏ học. Các bị cáo được sống trong môi trường xã hội lành mạnh, đều đã lập gia đình riêng, có sức khỏe nhưng lười lao động, thích ăn chơi, đua đòi lêu lổng, đều sử dụng và lệ thuộc vào ma túy. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi trộm cắp của mình là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện, làm phức tạp thêm tình hình tội phạm ở địa phương. Bị cáo Hoàng Văn C có 01 tiền sự, Ngày 20/01/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C hợp tác với Cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình các bị cáo đã khắc phục thiệt hại bằng việc bồi thường cho người có quyền lợi liên quan. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Một điện thoại di động cảm ứng VIVO màu xanh đen, số EMEL 1: 863505045644170, số EMEL 2: 863505045644162 của bị cáo Hoàng Văn C không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị trả lại cho bị cáo C; Một điện thoại nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, số IMEL 1: 351670094534307,

IMEL 2: 351670094534315 của bị cáo Hoàng Văn C dùng làm phương tiện liên lạc trao đổi mua bán tài sản trộm cắp xét cần tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Bế Thị P, người có quyền lợi liên quan Hoàng Văn M đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm bị thiệt hại. Không có yêu cầu bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Lương Văn Q 09 (Chín) tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày bị cáo bị bắt 04/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 09 (Chín) tháng tù, thời gian thụ hình được tính từ ngày 04/02/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn C một điện thoại di động cảm ứng VIVO màu xanh đen, số EMEL 1: 863505045644170, số EMEL 2: 863505045644162;

Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước một điện thoại nhãn hiệu Masstel màu xanh đen, số IMEL 1: 351670094534307, IMEL 2: 351670094534315.

Toàn bộ số vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lạc theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 24/3/2020.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lương Văn Q và Hoàng Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo; vắng mặt bị hại, người có quyền lợi liên quan. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã A;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doanh Thị Mây